TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 23 -3 -2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T,TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hải

2. Bà Mai Thị Kim Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T tham gia phiên tòa****:*

Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Số 625 Ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An;

- *Bị đơn*: Bà Trần Kim H, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An;

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 09 năm 2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Do chỗ quen biết nên ngày 01/3/2018,

bà Nguyễn Thị Đ có cho bà Trần Kim H vay số tiền 158.000.000đồng, lãi suất vay theo quy định pháp luật tại thời điểm vay, mục đích vay đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay từ ngày 01/3/2018 đến hết ngày 10/7/2019 sẽ trả lãi và gốc. Khi vay bà H có viết giấy nợ và có bà Nguyễn Thị Thúy P ký tên xác nhận là người chứng kiến. Sau ngày 10/7/2019 bà Đ có đến nhà bà H yêu cầu trả nợ nhưng bà H hứa đến ngày 30/7/2019 sẽ thanh toán, để làm tin bà H có đưa cho bà Đ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 503319 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp cho bà Trần Kim H vào ngày 04 tháng 12 năm 2009 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay. Đến hạn bà H không thực hiện trả nợ nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà H trả số nợ gốc là 158.000.000đ, yêu cầu trả lãi từ ngày 01/3/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Lãi suất vay trong hạn yêu cầu 10%/năm (0,833%/tháng).

Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không có bản tự khai.

Vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ngày 23 tháng 03 năm 2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 01/3/2018 có chữ ký của bên vay bà Trần Thị H, chữ ký của người làm chứng Nguyễn Thị Thúy P có cơ sở xác định bà H có vay của bà Đ số tiền 158.000.000đồng, hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Tại kết quả xác minh ngày 05/12/2019 của Công an xã A, thành phố T, tỉnh Long An thì bà H đang sinh sống tại ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An. Bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trước khi đưa ra xét xử nhưng bà H trốn tránh không đến tham gia tố tụng, bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc bà H trả cho bà Đ số tiền vay gốc 158.000.000đồng và lãi theo quy định pháp luật, bà Đ hoàn trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Trần Kim H trả số tiền nợ trong hợp đồng vay tài sản. Bà H có nơi cư trú ở xã A, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, bị đơn vắng mặt. Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về số nợ vay: Trong quá trình tố tụng, bà Đ trình bày rằng ngày 01/3/2018 bà H vay bà Đ số tiền là 158.000.000đ, thời hạn trả là ngày 10/7/2019, đến kỳ hạn trả nợ bà Đ tránh mặt không thực hiện nên bà Đ khởi kiện. Bà Đ xuất trình chứng cứ là hợp đồng cho vay tiền ngày 01/3/2018, có chữ ký của bà Trần Kim H.

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày ngày 01/3/2018, nội dung thể hiện bà H có vay của bà Đ số tiền 158.000.000đồng, vay có kỳ hạn và có lãi, phía dưới cuối tờ vay có chữ ký của bà Trần Kim H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ bà H đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng bà H vắng mặt.

Quá trình tố tụng, lời khai của bà Nguyễn Thị Thúy P vào ngày 26/12/2019 xác định có chứng kiến và nghe việc bà H vay tiền của bà Đ số tiền 158.000.000đồng.

Tại kết quả xác minh ngày 05/12/2019 của Công an xã A, thành phố T, tỉnh Long An xác định, bà H có hộ khẩu và đang sinh sống tại ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy báo phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vắng mặt. Do đó căn cứ vào lời khai của bà Đ, giấy vay tiền ngày 01/3/2018, lời khai người làm chứng có cơ sở khẳng định bà H có vay của bà Đ số tiền 158.000.000đồng.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ vay của bị đơn: Sau khi vay, đến nay bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đối với bà H, nhưng bà H trốn tránh không đến tham gia tố tụng, đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã trả số tiền gốc 158.000.000đồng cho bà Đ.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có căn cứ, buộc H có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền gốc là 158.000.000đồng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất: Bà Đ yêu cầu bà H trả lãi trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay và đến hạn chưa trả, lãi suất 10%/năm. (Thời hạn từ 01/3/2018 đến 30/7/2019), và lãi suất chậm trả.

Hợp đồng vay giữa bà Đ và bà H là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong hợp đồng hai bên không xác định rõ lãi suất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Kể từ ngày vay cho đến nay, bà H chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho bà Đ, đã gây thiệt hại đến quyền lợi cho bà Đ nên yêu cầu trả lãi của bà Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Lãi được tính như sau:

- Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được tính đối với trường hợp này theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm. (từ ngày 01/3/2018 cho đến hết ngày 30/7/2019).

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn: 158.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 16 tháng 29 ngày = 22.330.509 đồng.

- Lãi chậm trả lãi trên nợ lãi tương ứng với thời gian chậm trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm (Từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/3/2020).

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: 22.330.509 đồng x 0,833%/tháng x 07 tháng 23 ngày = 1.444.702 đồng

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả (Từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/3/2020): 158.000.000 đồng x 1,25% x 07 tháng 23 ngày = 15.339.166 đồng.

[6] Như vậy, tổng cộng gốc và lãi bà H có nghĩa vụ trả cho bà Đ là 197.114.378 đồng.

[7] Về trách nhiệm liên đới: Trong giấy vay nợ ngày 01/3/2018 ghi tên người vay bà Trần Kim H, bà H ký tên trong hợp đồng vay, mục đích vay đáo hạn Ngân hàng. Xét khoản nợ vay của bà H mục đích đáo hạn ngân hàng, sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu trong gia đình nhưng bà Đ yêu cầu cá nhân bà H trả nợ không yêu cầu chồng bà H là ông Lê Văn R có nghĩa vụ liên đới trả nợ nên ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ, Hội đồng xét xử không xem xét đề cập về trách nhiệm liên đới của ông R.

[8] Về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trong vụ án này, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình khi vay tiền bà Đ, bà H có thế chấp cho bà Đ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 503319 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp cho bà Trần Kim H vào ngày 04 tháng 12 năm 2009. Xét việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa các bên không có công chứng, chứng thực và đăng ký, không đảm bảo trình tự, thủ tục của pháp luật về thế chấp tài sản nên buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà H 01 bản chính giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số AP 503319 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị H vào ngày 04 tháng 12 năm 2009.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bà H chịu 9.855.718đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/26/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết 326/26/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Trần Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 197.114.378 đồng **(**Một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm mười bốn ngàn, ba trăm bảy mươi tám đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Trần Kim H 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 503319 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị H vào ngày 04 tháng 12 năm 2009.

2. Về án phí: Bà Trần Kim H chịu 9.855.718 đồng (Chín triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, bảy trăm mười tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.641.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi mốt ngàn đồng) theo biên lai thu số 004025 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Long An.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 24/3/2020 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh LA.
- VKSND TP-TA.
- Chi cục THA TPTA.
- Các đ/s.
- Lưu HS- AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Hằng